

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 207/2022/DSST

Ngày: 23/9/2022

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

2. Bà Đinh Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2022/TLST- DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sơn Thị Thanh D, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Tân Đ, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lâm Thị Thúy Ng, sinh năm 1985 và anh Trần Thanh T, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: ấp Tân Đ, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2022 quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sơn Thị Thanh D trình bày:

Chị có cho chị Ng và anh T vay số tiền cụ thể như sau: Ngày 28/01/2021 số tiền vay là 50.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng và có nhận lãi đến ngày 28/02/2022; Ngày 10/02/2021 số tiền vay là 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng nhận lãi đến ngày 28/02/2022. Ngoài ra trước đó chị Ng và anh T có vay của chị 02 lần với tổng số tiền là

80.000.000 đồng, sau đó hai bên thỏa thuận chị sẽ hót hai phần hụi mà chị tham gia với đầu thảo Nguyễn Thị Trúc Th loại hụi 3.000.000 đồng/tháng có 20 phần cho chị Ng và anh T mượn để trả số tiền 80.000.000 đồng cho chị, chị Ng và anh T thống nhất một tháng sẽ đóng tiền hụi cho chị 6.000.000 đồng/02 phần cho đến khi mãn hụi, tổng số tiền mà anh T và chị Ng có trách nhiệm hoàn trả cho chị đến khi mãn hụi là 120.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận thì chị Ng và anh T có đóng cho chị được 02 tháng với số tiền là 12.000.000 đồng bắt từ tháng 5/2022 thì chị Ng và anh T không đóng tiếp nữa.

Nay chị yêu cầu chị Ng và anh T phải trả số tiền vốn vay bằng 70.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Đối với số tiền lãi 5% mà chị đã nhận trước đó chị đồng ý cần trừ. Đối với yêu cầu số tiền 108.000.000 đồng theo biên nhận ứng tiền hụi ngày 30/3/2022 thì chị xin rút lại.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2022 quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Lâm Thị Thúy Ng trình bày:

Đối với tiền vay: Chị thừa nhận ngày 28/01/2021 chị vay của chị D số tiền là 50.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng và có trả lãi đến ngày 28/02/2022. Ngày 10/02/2021 vay 20.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng đóng lãi đến ngày 28/02/2022

Đối với yêu cầu 120.000.000 đồng thì chị không đồng ý, vì số tiền này liên quan đến số tiền 80.000.000 đồng mà chị đã vay của chị D trước đó, cụ thể ngày tháng năm nào thì chị không nhớ, vì chị vay của chị D rất nhiều lần cứ 10 ngày trả thì mượn lại và lại viết một biên nhận mới, nên hai bên mới thỏa thuận chị D hót 02 phần hụi mà chị D tham gia để cho chị mượn trả cho phần tiền vay 80.000.000 đồng, hàng tháng chị có trách nhiệm đóng tiền hụi cho chị D là 6.000.000 đồng, chị đã thực hiện cho chị D được 02 tháng, thực tế số tiền hụi mà chị D hót được 02 phần chỉ có 64.400.000 đồng/18 phần nên chị phải bù vào là 15.600.000 đồng để trả cho chị D là 80.000.000 đồng.

Nay đồng ý hoàn trả số tiền vốn vay 70.000.000 đồng, nhưng yêu cầu Tòa án xem xét tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất là 20%/năm đối số tiền lãi của tiền vay 70.000.000 đồng kể từ ngày vay cho đến nay.

Đối với phần biên nhận ứng tiền hụi thì tại phiên tòa chị D đã rút yêu cầu khởi kiện thì chị không có ý kiến.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2022 và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh T trình bày: Chị Ng là vợ của anh, hiện vợ chồng anh vẫn còn sống chung với nhau, việc chị Ng vay tiền của chị D 70.000.000 đồng thì anh hoàn toàn không biết, sau này thì chị Ng có nói cho anh nghe thì anh mới biết, còn đối với biên nhận thỏa thuận tiền hụi thì anh có ký tên nhưng anh chỉ nghĩ ký tên phần hụi để trả tiền vay của biên nhận 80.000.000 đồng, nên anh mới đồng ý ký. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu của chị D.

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 464, 465 và Điều 468 bộ luật dân sự

Áp dụng Điều 27 luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Thanh D. Buộc chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Trần Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho chị Sơn Thị Thanh D số tiền vốn gốc bằng 70.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Đối với số tiền lãi 5%/tháng mà chị Ng đã đóng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật

Đối với yêu cầu số tiền 108.000.000 đồng biên nhận ứng tiền hui chị D không tiếp tục yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử lý theo quy định của pháp luật

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

1. Biên nhận ngày 28/01/2021 (bản pho to)

2. Biên nhận ngày 10/02/2021 (bản pho to)

3. Biên nhận ứng tiền hui ngày 30/3/2022 (bản pho to)

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai; Sổ phụ thu tài khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: không có

Những tình tiết các đương sự thống nhất:

Chị Sơn Thị Thanh D yêu cầu chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Trần Thanh T phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền vốn gốc bằng 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay đến khi xét xử với mức lãi suất là 20%/năm. Đối với khoản lãi 5%/tháng mà chị đã nhận trước đó chị đồng ý căn trừ. Đối với yêu cầu số tiền 108.000.000 đồng biên nhận ứng tiền hui chị xin rút yêu cầu.

Bị đơn chị Lâm Thị Thúy Ng thừa nhận có còn nợ tiền vốn gốc của chị D là 70.000.000 đồng, chị đồng ý tính lãi với mức lãi suất là 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Đối với số tiền lãi 5%/tháng mà chị đã đóng cho chị D thì chị yêu cầu cản trừ.

Đối với yêu cầu của chị D về biên nhận ứng tiền hụi chị D xin rút yêu cầu nên chị không có ý kiến.

Những tình tiết các đương sự không thống nhất:

Bị đơn anh Trần Thanh T không đồng ý cùng với chị Ng có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ cho chị D

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ tại ấp Tân Đại, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị Sơn Thị Thanh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Lâm Thị Thúy Ng thừa nhận có vay của chị D số tiền bằng 70.000.000 đồng, tuy nhiên phía anh Trần Thanh T là chồng của chị Ng thì cho rằng việc vay mượn tiền giữa chị Ng và chị D anh không biết nên anh không đồng ý cùng với chị Ng trả cho chị D số tiền vốn bằng 70.000.000 đồng. Quá trình tố tụng chị Ng cho rằng số tiền mà chị Ng vay để nhằm mục đích kinh doanh thuốc tây, mở đại lý vé số và cho người khác mượn lại, tại phiên tòa anh T cũng xác nhận vợ chồng có mở tiệm bán thuốc tây và đại lý vé số, do làm ăn thất bại nên chị Ng mới bỏ đi làm ăn để kiếm tiền trả nợ, còn anh thì vẫn ở nhà để bán thuốc và đại lý vé số, theo lời trình bày của anh, anh ký vào biên nhận ứng tiền hụi là để trả cho khoản vay 80.000.000 đồng trước đó mà chị Ng vay của chị D. Như vậy có đủ cơ sở xác định việc chị Ng vay tiền của chị D anh T có biết, ngoài ra số tiền mà chị Ng vay của chị D nhằm mục đích kinh doanh để phục vụ gia đình từ đó có cơ sở buộc anh T cùng với chị Ng có trách nhiệm hoàn trả cho chị D số tiền vốn gốc bằng 70.000.000 đồng.

[3]. Đối với khoản lãi: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Ng và chị D thống nhất số tiền lãi đã đóng đến ngày 28/02/2022 là 5%/tháng, nay thống nhất tính lại lãi suất là 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử, đối với số tiền lãi 5%/tháng thì đồng ý cản trừ. Số tiền lãi mà chị D đã nhận của chị Ng như sau:

Số tiền 50.000.000 đồng nhận lãi từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/02/2022 là 13 tháng x 5%/tháng = 32.500.000 đồng

Số tiền 20.000.000 đồng nhận lãi từ ngày 10/02/2021 đến ngày 28/02/2022 là 12 tháng 18 ngày x 5%/tháng = 12.600.000 đồng

Số tiền lãi được tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử như sau:

Số tiền 50.000.000 đồng kể từ ngày vay là ngày 28/01/2021 đến ngày 23/9/2022 là 19 tháng 25 ngày x 20%/năm = 16.461.666 đồng

Số tiền 20.000.000 đồng kể từ ngày vay là ngày 10/02/2021 đến ngày 23/9/2022 là 19 tháng 13 ngày x 20%/năm = 6.451.866 đồng

Như vậy số tiền lãi mà chị D đã nhận của chị Ng đến ngày 28/02/2022 là 45.100.000 đồng, nhưng số tiền thực tế mà chị Ng có trách nhiệm đóng lãi cho chị D đến ngày xét xử là ngày 23/9/2022 là 22.913.532 đồng. Số tiền mà chị D nhận chênh lệch của chị Ng là 22.186.468 đồng. Nên số tiền mà chị Ng và anh T có trách nhiệm hoàn trả cho chị D là 70.000.000 đồng – 22.186.468 đồng = 47.813.532 đồng.

[4]. Đối với yêu cầu 108.000.000 đồng biên nhận ứng tiền hội, chị D có yêu cầu rút lại nên đình chỉ đối với yêu cầu này của chị D

[5]. Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Thanh D chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần

Về án phí: buộc chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Trần Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39 Điều 147; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, 464, 465, 466, 467 và Điều 468 bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Thanh D. Buộc chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Trần Thanh T phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền cho chị Sơn Thị Thanh D số tiền là 47.813.532 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu số tiền 108.000.000 đồng (biên nhận ứng tiền hội)

3. Kể từ ngày chị Sơn Thị Thanh D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Trần Thanh T còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc chị Lâm Thị Thúy Ng và anh Trần Thanh T phải chịu 2.390.676 đồng. Chị Sơn Thị Thanh D không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho cho chị Sơn Thị Thanh T số tiền 4.550.273 đồng tại biên lai số 0009058 ngày 25/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thị Thu Hiền

